

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẠI THIÊN LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 29 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY  
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Mã chứng khoán: DTL

Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, P.Phú Tân, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3719999

Fax: (0274) 3849111/222

Người thực hiện công bố thông tin: Đoàn Thị Bích Thúy

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, P.Phú Tân, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0914 394 290/ (0274) 3632048

Fax: (0274) 3849111

Loại thông tin công bố:

☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ Bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (\*):

Báo cáo thường niên 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/04/2021 tại đường dẫn: [www.daithienloc.com.vn](http://www.daithienloc.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên 2020.

**Người đại diện theo pháp luật**



**Nguyễn Thanh Nghĩa**

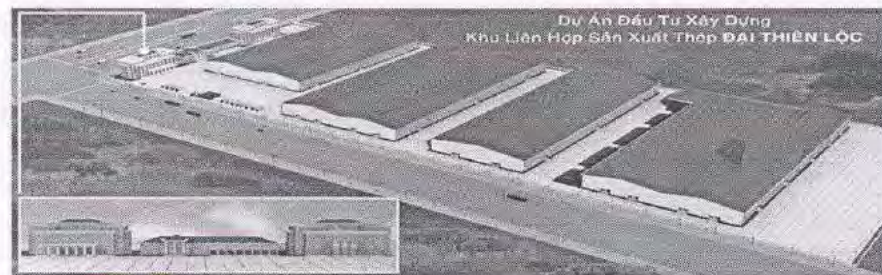


## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
- Tên tiếng anh	DAI THIEN LOC CORPORATION
- Tên viết tắt	DTL
- Giấy chứng nhận ĐKDN	3700381282
- Ngành nghề KD chính	Sản xuất và kinh doanh thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm - kẽm, thép lá mạ màu, ống thép, xà gỗ thép;
- Vốn điều lệ	614.356.040.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.010.666.484.196 VNĐ
- Địa chỉ	Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, P.Phú Tân, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- Điện thoại	0274. 3719999/1800 1149
- Fax	0274. 3849111
- Website	<a href="http://www.daithienloc.com.vn">www.daithienloc.com.vn</a>
- E-mail	<a href="mailto:sales@daithienloc.com.vn">sales@daithienloc.com.vn</a>
- Mã cổ phiếu	DTL



Toàn cảnh Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3, Bình Dương (diện tích đất 105.285m<sup>2</sup>) và tòa nhà văn phòng - Trụ sở chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc



Quá trình hình thành và phát triển

❖ **Quá trình hình thành và phát triển**

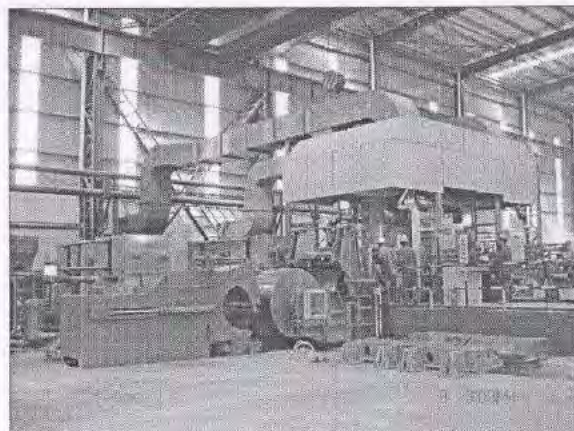
<b>11/07/2001</b>	Thành lập Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc (Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4602000250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/07/2001). Với số vốn điều lệ ban đầu là 6 tỷ đồng và đội ngũ nhân viên 30 người, công ty chuyên kinh doanh thép cán nóng, cán nguội; thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm - kẽm, mạ màu; thép tấm; thép hình; xà gồ thép; thép xây dựng v.v...
<b>Tháng 3/2003</b>	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục có công suất 60.000 tấn/năm (DC thứ nhất) tại KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương. <i>Sản phẩm tôn kẽm Đại Thiên Lộc có chất lượng ổn định, giá cả cạnh tranh nên được khách hàng ưa chuộng. Đơn đặt mua hàng không ngừng gia tăng. Dây chuyền mạ kẽm chạy 100% công suất vẫn không sản xuất đủ lượng hàng cung cấp cho thị trường nên công ty quyết định tăng vốn và đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước</i>
<b>12/04/2007</b>	Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4603000334 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 12/04/2007) <i>Thực sự hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ tháng 01/06/2007</i>
<b>Tháng 6/2008</b>	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ màu liên tục với công suất 45.000 tấn/năm (DC thứ nhất) tại KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương
<b>22/12/2008</b>	Thành lập 3 công ty con chuyên sản xuất và kinh doanh thép
<b>23/12/2008</b>	Thành lập Khu liên hợp Sản xuất Thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3, tỉnh Bình Dương với diện tích đất 105.285m <sup>2</sup> (Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/12/2008) <i>Năm 2008 xảy ra khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kéo dài đến tận cuối năm 2009. Trong khoảng thời gian này, công ty đầu tư nhỏ giọt nên tiến độ thực hiện Dự án chậm so với kế hoạch. Sang đầu năm 2010, khi nền kinh tế dần dần hồi phục thì công ty mới đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án</i>
<b>04/06/2010</b>	Niêm yết 38,8 triệu cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM.
<b>Tháng 8/2010</b>	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục có công suất 60.000 tấn/năm (DC thứ hai)
<b>Tháng 10/2010</b>	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền xà băng, công suất 60.000



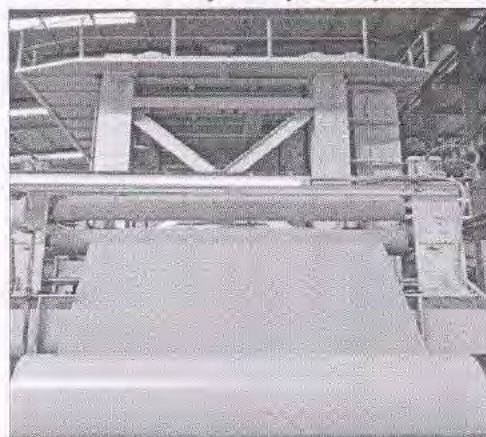
	tấn/năm
<b>Tháng 11/2010</b>	Lắp đặt và đưa vào hoạt động 04 dây chuyền sản xuất ống thép với tổng công suất 30.000 tấn/năm
<b>Tháng 12/2011</b>	Lắp ráp hoàn chỉnh và chạy thử thành công các dây chuyền : dây chuyền tẩy rửa, dây chuyền thép lá cán nguội 12 trục
<b>Tháng 04/2012</b>	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm số 01
<b>Tháng 12/2012</b>	Lắp ráp hoàn chỉnh dây chuyền thép lá cán nguội 06 trục
<b>Tháng 12/2016</b>	Bắt đầu đầu tư dự án mới 2017 với việc lắp ráp lần lượt 04 dây chuyền cán ống (/ tổng số 10 dây chuyền).
<b>Tháng 12/2017</b>	Dây chuyền cán nguội 4 lắp ráp khoảng 60%, linh kiện thiết bị của dây chuyền cán nguội số 5 đã nhập về gần như toàn bộ, phần xây dựng cơ bản gần như hoàn thiện.
<b>Tháng 12/2018</b>	Đã hoàn tất việc lắp đặt dây chuyền cán nguội số 4 và số 5.
<b>Tháng 12/2019</b>	Đã đưa dây chuyền cán nguội số 4 và số 5 vào vận hành



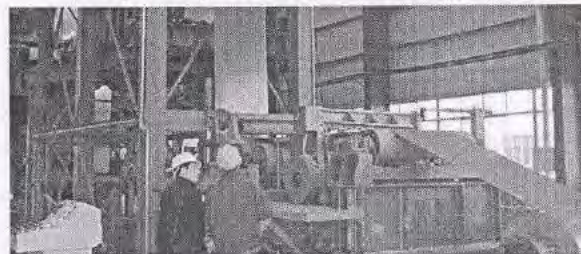
*Dây chuyền tẩy rửa*



*Dây chuyền thép lá cán nguội*



*Dây chuyền mạ lạnh*



*Dây chuyền mạ màu*



❖ Quá trình tăng vốn điều lệ (kể từ khi Công ty hoạt động theo hình thức cổ phần)

Thời gian		Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)
12/04/2007	Khi thành lập	99.000.000.000	
31/03/2008	Tăng đợt 1	152.000.000.000	53.000.000.000
25/07/2008 - 10/08/2008	Tăng đợt 2	192.000.000.000	40.000.000.000
10/11/2008 - 15/11/2008	Tăng đợt 3	230.000.000.000	38.000.000.000
16/12/2008 - 31/12/2008	Tăng đợt 4	253.000.000.000	23.000.000.000
31/07/2009	Tăng đợt 5	350.000.000.000	97.000.000.000
11/09/2009 - 30/09/2009	Tăng đợt 6	388.000.000.000	38.000.000.000
24/06/2010	Tăng đợt 7	484.974.700.000	96.974.700.000
12/01/2012	Tăng đợt 8	501.360.900.000	16.386.200.000
03/06/2014	Tăng đợt 9	614.356.040.000	112.995.140.000

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

❖ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm:

- ✓ **Thép lá cán nguội:** Với công nghệ cán 12 trục, 6 trục đảo chiều tiên tiến, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng.
- ✓ **Thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm (Tôn lạnh)/ Thép lá mạ kẽm (tôn kẽm):** Được sản xuất trên dây chuyền mạ công nghệ NOF hiện đại. Nguyên liệu đầu vào là thép lá cán nguội dạng cuộn phù hợp tiêu chuẩn JIS G3141 SPCC 1B/SB/SD. Tôn mạ kẽm/tôn lạnh được sản xuất trên cơ sở mạ kẽm/lạnh và hợp kim trên nền thép lá cán nguội. Bề mặt tôn phẳng, các tinh thể hợp kim kết tinh tạo thành lớp bông kẽm/lạnh đẹp, sáng và bóng. Khả năng chống ăn mòn và bức xạ nhiệt tốt hơn so với các sản phẩm khác.
- ✓ **Thép lá mạ kẽm phủ màu (tôn màu)/ hợp kim nhôm kẽm phủ màu (Tôn lạnh màu):** Ứng dụng công nghệ hàng đầu về sơn mạ trên nền tôn kẽm/tôn lạnh. Lớp sơn bóng đẹp, bền màu. Không bị bong tróc, trầy xước trong quá trình dập cán sóng và tạo hình.
- ✓ **Thép hộp và Ống thép:** Được sản xuất qua các công đoạn: tẩy rỉ, cán nguội, ủ mềm, mạ kẽm, cắt băng, cán định hình, Thép hộp và Ống thép có bề mặt sạch, trơn láng, độ dày đều, độ uốn dẻo cao, độ bám kẽm tốt, đảm bảo chất lượng cao theo tiêu chuẩn.



❖ Địa bàn kinh doanh:

Công ty luôn tập trung, chú trọng vào thị trường nội địa; Trong đó, tập trung vào các vùng chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu doanh thu toàn vùng, chủ yếu là thị trường miền Đông Nam Bộ (chiếm khoảng từ 40 - 55%) và miền Tây nam bộ.

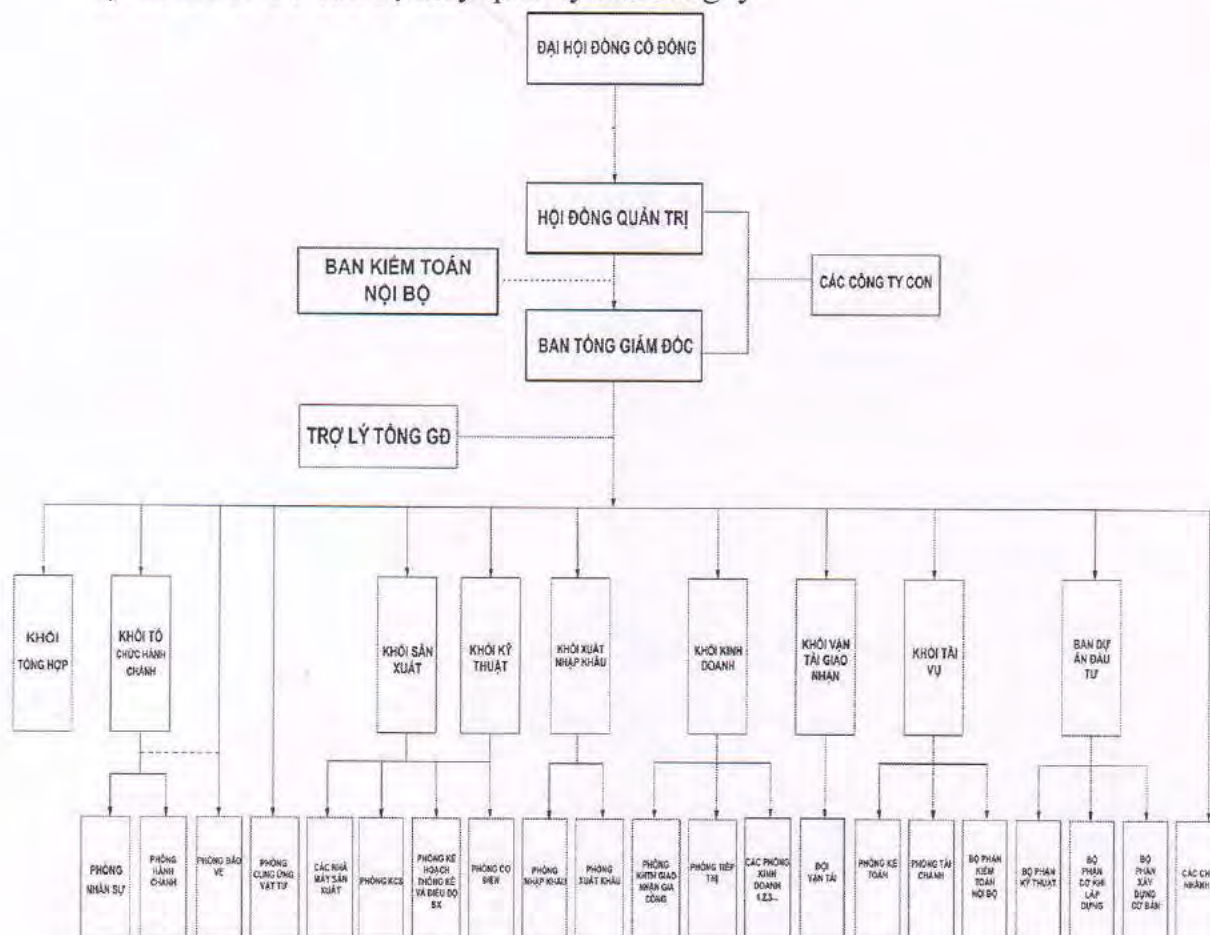
Ngoài thị trường nội địa, công ty cũng đã, đang và sẽ không ngừng đẩy mạnh thị trường xuất khẩu với một số thị trường truyền thống từ trước đến nay như các nước ASEAN, các nước Châu Á... Đồng thời, không chỉ dừng lại ở phạm vi đó, công ty cũng đang xúc tiến tìm hiểu thêm thị trường tại Châu Phi, Châu Âu và Nam Mỹ để xuất khẩu hàng với giá cạnh tranh, đạt chất lượng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Sơ đồ 1: Cơ cấu công ty



b) Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty





**Khối Tổ chức - Hành chính gồm Phòng Nhân sự, Phòng Hành chính**

- Xây dựng, ban hành chính sách nhân sự, quy chế về sử dụng và quản lý lao động, nội quy lao động, hệ thống thang bảng lương, quy chế khen thưởng, kỷ luật ...
- Xây dựng, ban hành quy chế về an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ...;
- Thực hiện công tác định mức lao động, chấm công, tính lương, giải quyết các chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, các chế độ lao động khác cho nhân viên;
- Tuyển dụng nhân viên, đào tạo, bố trí, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật;
- Xây dựng, ban hành quy chế về việc sử dụng, quản lý con dấu...;
- Thực hiện công tác văn thư lưu trữ, lễ tân, tổ chức hội họp...;
- Mua sắm, cấp phát, quản lý sử dụng thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm....

**Khối tổng hợp**

- Nghiên cứu, xây dựng văn hóa doanh nghiệp;
- Xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu;
- Hoạt động đối ngoại, xây dựng mối quan hệ đại chúng (trong và ngoài nước), tiến hành các hoạt động PR, IR;

**Khối vận tải**

- Gồm đội xe lo việc vận chuyển người và hàng hóa của Công ty;
- Thực hiện bốc dỡ, giao nhận hàng hóa...;
- Khai thác vận tải, tổ chức chở thuê hàng hóa...

**Phòng cung ứng vật tư**

- Chuyên thu mua các loại vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất và các nhu cầu khác trong Công ty;

**Phòng bảo vệ**

- Chuyên lo vấn đề an ninh trật tự, bảo đảm an toàn tài sản, thực hiện phòng chống cháy nổ tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.

**Khối Xuất Nhập khẩu gồm Phòng Nhập khẩu và Phòng Xuất khẩu**

- Tìm hiểu thông tin thị trường thế giới, nhận định về diễn biến giá cả, nắm vững biểu thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước khác, thông báo chính xác và kịp thời cho Tổng Giám đốc để đưa ra định hướng kinh doanh phù hợp trong từng thời kỳ nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty;
  - Nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - Xuất khẩu các sản phẩm, hàng hóa của Công ty sang các nước;
  - Thực hiện các thủ tục Hải quan, bộ chứng từ XNK, giao nhận hàng hóa tại các cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu đường bộ, v.v...



**Khối Sản xuất - Kỹ thuật gồm các Nhà máy Sản xuất, Phòng Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm, Phòng Kế hoạch - Thống kê - Điều độ Sản xuất và Phòng Cơ điện**

- Nghiên cứu, tiếp cận, ứng dụng công nghệ tiên tiến để cải tiến sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh;

- Thiết kế, chế tạo các loại máy móc thiết bị phục vụ sản xuất; theo dõi, quản lý sử dụng dây chuyền thiết bị và thiết bị kiểm tra, đo lường;

- Thi công lắp dựng nhà xưởng, nhà kho, máy móc thiết bị, v.v...;

- Quản lý toàn bộ hệ thống điện – tự động hoá;

- Kiểm tra chất lượng sản phẩm và giải quyết các khiếu nại về chất lượng (nếu có);

- Huấn luyện, đào tạo bồi dưỡng nâng cao tay nghề công nhân kỹ thuật;

- Lập kế hoạch sản xuất, điều hành và quản lý sản xuất bảo đảm đúng tiến độ giao hàng, đạt chất lượng sản phẩm, v.v...

**Khối Kinh doanh gồm Phòng Kinh doanh, Phòng Tiếp thị, Phòng Kế hoạch Tổng hợp - Giao nhận - Gia công**

- Xây dựng chiến lược kinh doanh, marketing, phát triển hệ thống bán hàng;

- Phối hợp với Phòng Sản xuất để lập kế hoạch sản xuất, gia công, theo dõi tiến độ, tổ chức giao nhận hàng sản xuất, gia công và thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm, giải quyết các khiếu nại về chất lượng (nếu có);

- Thực hiện dịch vụ bán hàng, hậu mãi ; chăm sóc khách hàng và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến dịch vụ bán hàng, hậu mãi ...

**Khối tài vụ gồm Phòng Kế toán, Phòng Thống kê, Ban Kiểm toán nội bộ**

- Lập kế hoạch tài chính – đầu tư và tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn; Xây dựng các quy chế lưu trữ chứng từ, luân chuyển chứng từ nội bộ, thanh toán nội bộ, v.v... ;

- Thực hiện công tác quản lý tài sản và sử dụng vốn;

- Phối hợp với Phòng Sản xuất để tính chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm;

- Phối hợp với phòng Hành chánh – Nhân sự tính tiền lương, thanh toán bảo hiểm xã hội, y tế, tai nạn và các chế độ khác cho nhân viên;

- Lập báo cáo thuế, quyết toán thuế, báo cáo tài chính và các loại báo cáo khác theo quy định của Nhà nước và theo yêu cầu của Công ty;

- Lập báo cáo thống kê theo quy định của Nhà nước và yêu cầu của Công ty;

- Thực hiện công tác kiểm toán nội bộ để bảo đảm tính chính xác và trung thực về số liệu nhằm hạn chế tối đa những sai sót có thể xảy ra.



c) Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Một thành viên Thép Đại Thiên Lộc (Thành lập ngày 22/12/2008)	Ô 13D, Lô CN 8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, P. Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương Điện thoại : 0274. 3719999 Fax : 0274. 3849111
2	Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc (Thành lập ngày 22/12/2008)	Ô 2, Lô A, Đường số 22, KCN Sóng Thần, P. Dĩ An, TX Dĩ An, Bình Dương

4. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của công ty: Với nguồn lực hiện có của công ty và sự nhận định, đánh giá về tình hình chung của ngành thép, Đại Thiên Lộc đề ra 5 mục tiêu lớn như sau:

- Một là, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm mức tăng trưởng cao và bền vững; gia tăng giá trị cho cổ đông;
- Hai là, xây dựng hệ thống quản lý một cách toàn diện, phát huy những lợi thế có sẵn và hạn chế các mặt yếu kém còn tồn tại;
- Ba là, xây dựng và phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, khẳng định vị thế của Đại Thiên Lộc trên thương trường Việt Nam và quốc tế;
- Bốn là, xử lý tốt nguồn chất thải trước khi đưa vào hệ thống xử lý chung của Khu công nghiệp, làm giảm thiểu tác động có thể gây ô nhiễm môi trường;
- Ổn định, tạo sự phát triển cho đời sống của Cán bộ công nhân viên và đóng góp cho sự phát triển cộng đồng và xã hội.

❖ Chiến lược phát triển trung, dài hạn & mục tiêu phát triển bền vững.

Cùng với sự phát triển kinh tế, nhu cầu sử dụng thép dẹt tại Việt nam và các nước đang phát triển như Asean, Tây Á, Bắc Á, Châu Phi, Nam Mỹ ... gia tăng rất đáng kể. Theo đó triển vọng phát triển ngành thép dẹt, thép lá tráng phủ kim loại (tôn mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm kẽm), phủ sơn màu (tôn mạ màu), ống thép, xà gồ thép ... là rất lớn. Cùng với đó, Trung Quốc là nước xuất khẩu lớn mặt hàng thép dẹt tại Châu Á đã bị một số thị trường lớn tại Châu Âu, Châu Mỹ áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại; Do đó, đây là một cơ hội lớn cho mặt hàng thép sản xuất tại Việt nam nói chung và Tôn Đại Thiên Lộc nói riêng vươn ra các thị trường khó tính.

Trong xu hướng phát triển sắp tới, công ty sẽ mở rộng sản xuất mặt hàng thép không gỉ (Inox) để đáp ứng được nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng khi chất lượng cuộc sống đã dần được nâng cao.



Bên cạnh mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh thì việc đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường cũng được quan tâm và ưu tiên hàng đầu, vì đây là cơ sở nền tảng của sự phát triển bền vững; đảm bảo chất lượng cuộc sống cho xã hội. Song song đó, công tác chăm sóc, quan tâm giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội và tài trợ các hoạt động xã hội cộng đồng cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà doanh nghiệp đặt ra.

5. *Các rủi ro:*

- Vì hệ thống dây chuyền sản xuất nhập khẩu từ nước ngoài nên lượng phụ tùng, thiết bị thay thế phải có dự phòng rất lớn; trong khi đó thời gian nhập khẩu kéo dài, có khi từ 06 – 08 tháng mới về Việt nam.

- Các chính sách hội nhập quốc tế đã khiến cho việc xuất khẩu sang các nước gặp nhiều rào cản thương mại do việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại; gây khó khăn rất lớn trong việc cạnh tranh.

- Giá cả thép nguyên liệu biến động không ngừng khiến doanh nghiệp khó kiểm soát, nguy cơ lỗ về giá.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1 Về kinh doanh:

##### a. Về sản lượng tiêu thụ:

Sản lượng tiêu thụ cả năm đạt 111.263 tấn (tăng 12,8% so với năm 2019). Trong đó:

	ĐVT: Kg
Tôn Lạnh	56,655,362
Tôn Màu	27,261,041
Tôn Kẽm	346,317
Tôn Dạng Băng	21,432
Ống + Hộp	2,299,910
Cán nguội	4,696,075
Cán Nóng	17,886,631
Khác	2,095,885
<b>Tổng</b>	<b>111,262,653</b>

##### b. Về kinh doanh nội địa:

- Doanh thu năm 2020 đạt 1,982 tỷ (giảm 21.13% so với cùng kỳ 2019). Mặc dù không đạt kế hoạch nhưng kết quả trên cũng cho thấy sự nỗ lực CB-CNV khối kinh doanh khi trong năm qua, thị trường nội địa ngày càng thu hẹp thì rất nhiều nhà máy thép đã sản xuất ra sản phẩm với giá thành rất cạnh tranh.

- Chất lượng hàng hóa đã được cải thiện một cách đáng kể, đây là lợi thế cạnh tranh rất lớn đối với hàng nhập khẩu giá rẻ Trung Quốc.



– Công tác giải quyết khiếu nại được thực hiện nhanh chóng, kịp thời đã tạo được niềm tin và sự hài lòng cho khách hàng.

– *Về cơ cấu doanh thu:* Khu vực Nam Bộ chiếm 82.4% (tăng 0.4%); Miền Bắc chiếm 5.27% (không tăng); Miền Trung – Tây Nguyên chiếm 10.59% (giảm 2.41%) so với năm 2019.

**c. Về kinh doanh xuất khẩu:**

– Doanh thu năm 2020 đạt 1,418 triệu USD (giảm 28,45% so với năm 2019), đạt 98,73% kế hoạch ĐHCĐ đã đề ra. Có thể thấy, bức tranh xuất khẩu năm 2020 rất ảm đạm, hầu như thị trường xuất khẩu đã bị chặn từ các phía; Khi các nước mà thị trường xuất khẩu chính trước đây như Indonesia, Thái Lan... đã bị chặn do hàng rào kỹ thuật thương mại, rồi sự tranh giành thị trường xuất khẩu của các đối thủ cạnh tranh khi chấp nhận giảm giá dưới mức giá vốn để dành thị phần xuất khẩu. Bên cạnh đó, các yếu tố chủ quan có thể kể đến như: Công ty vẫn chưa có chứng chỉ BIS để xuất khẩu sang Ấn Độ khiến sản lượng và doanh thu từ thị trường này giảm sút khá mạnh và chất lượng hàng hóa cũng chưa là yếu tố then chốt để khách hàng khó tính lựa chọn ĐTL.

**1.2 Về sản xuất:**

❖ **Thuận lợi:**

- Hầu hết các dây chuyền sản xuất đã được cải tiến, có thay thế một số các thiết bị, công cụ dụng cụ. Do đó, máy móc đã vận hành tương đối ổn định.
- Tỷ lệ hàng loại 2 đã giảm đáng kể. Chất lượng sản phẩm được kiểm soát chặt chẽ.

❖ **Khó khăn:**

- Hệ thống cấu trúc thường xuyên bị hỏng nhưng lại không sửa chữa kịp thời khi có sự cố, do đó, dây chuyền phải dừng do phụ thuộc hoàn toàn vào cầu.
- Trong quá trình sản xuất vẫn còn tình trạng máy dừng đột ngột do lỗi điện.
- Chưa đủ định biên nhân sự do nhân sự có sự biến động liên tục.
- Mất cân đối quan hệ cung – cầu. Hiện nay, lượng cung đang vượt cầu, khi nhiều nhà máy thép đang tiếp tục mở rộng đầu tư và một số đang đầu tư mới. Thị trường trong nước đang cạnh tranh rất gay gắt trong khi thị trường xuất khẩu hầu như không còn.

**a) Đối với dây chuyền mạ lạnh:**

- **Mạ lạnh 1:** Dừng sản xuất.
- **Mạ lạnh 2:** Sản lượng đạt 42.913 tấn (giảm 33,24% so với cùng kỳ 2019), chỉ đạt 47,68% kế hoạch đăng ký đầu năm. Loại 1 đạt được 94.3% tăng hơn so với năm 2019.



- **Nguyên nhân không đạt:**
  - + Do ảnh hưởng dịch covid 19, không có đơn hàng xuất khẩu nên không có kế hoạch sản xuất, lượng hàng tồn kho nhiều, nhiều nhà máy sản xuất mới trong nước đi vào hoạt động.
  - + Dừng máy trong năm khoảng 8 tháng/ năm.
- b) **Đối với dây chuyền mạ màu:**
  - Sản lượng 21.601 tấn, chỉ đạt 54% so với kế hoạch đã đề ra. Tuy nhiên, dây chuyền đã kiểm soát tốt được chất lượng sản phẩm, khi mà tỷ lệ hàng loại 1 đạt được là 95.5% (cao hơn kế hoạch đăng ký là 95%). Chất lượng hàng loại 1 được duy trì, kiểm soát tốt và tăng lên hàng năm.
  - **Nguyên nhân không đạt:**
    - + Không có kế hoạch sản xuất, chất lượng L1 giảm nhiều là do nguyên liệu đầu vào không ổn định. Hàng L2, hàng xử lý nhiều. Tình trạng lỗi điện liên tục, công nhân nghỉ nhiều dẫn đến tình trạng sản xuất không liên tục ảnh hưởng đến sản lượng của dây chuyền.
    - + Dừng máy trong năm khoảng 7.5 tháng/ năm. Do hết kế hoạch, không có kế hoạch hoặc dừng máy bảo trì.
- c) **Đối với dây chuyền cán ống:**
  - Sản lượng sản xuất 1.728 tấn, chỉ đạt 57,59% kế hoạch đã đăng ký, con số này rất thấp. Thời gian dừng máy rất nhiều do không có kế hoạch sản xuất.
  - Chất lượng sản phẩm loại 1 năm 2020 đạt 98.3%.
  - Nguyên nhân chính dẫn đến sản phẩm thép hộp của DTL chưa được khách hàng tin dùng mặc dù công ty đã đầu tư 04 dàn máy mới: Việc kiểm soát chất lượng hàng hóa chưa được chặt chẽ, thiếu nghiêm túc như: kẽm phun đường hàn không đều, cong, vênh, khi sản xuất nước kéo theo vẫn không loại bỏ cây ướm ra ngoài mà đóng bó luôn gây ố nước, khách hàng khiếu nại rất nhiều.

❖ **Sản lượng thành phẩm sản xuất năm 2020 so với năm 2019:**

Sản phẩm	2019	2020	
• Thép cán nóng (tấn)	61.925	27.544	
• Thép lá cán nguội 06Hi (tấn)	90.104	36.551	
• Tôn lạnh (tấn)	51.142	42.914	Loại 1: 94,3%
• Tôn kẽm (tấn)	12.445		
• Tôn màu (tấn)	32.355	21.601	Loại 1: 93%
• Ống thép các loại (tấn)	4.086	1.728	Loại 1: 98,3%
• Xả băng	7.071	2.882	

**2. Quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại**

a) Quảng bá thương hiệu



### Trong nội bộ

- In Logo, thương hiệu trên tất cả các biểu mẫu như: Phiếu báo giá, phiếu nhập - xuất kho, hóa đơn GTGT tự phát hành, giấy giới thiệu, giấy tiêu đề, bao thư, danh thiếp v.v...

- Trang phục công sở: tất cả CBCNV công ty khi đi làm đều mặc đồng phục có thêu logo Đại Thiên Lộc;

- Bảng hiệu công ty, các chi nhánh.

### Ra bên ngoài

- In Brochure, tờ rơi, poster, quảng cáo trên báo, truyền hình trung ương và địa phương.

- Tài trợ một phong trào thể dục thể thao mang tính xã hội hóa như: giải đua xe đạp do Đài PT&TH Bình Dương tổ chức tranh “cúp Tôn Đại Thiên Lộc”, tài trợ giải quần vợt do Đài PT&TH tỉnh Nghệ An, Đài PT&TH tỉnh Hà Tĩnh tổ chức...

- Đặt các bảng quảng cáo ngoài trời, bảng hiệu đại lý ...

- Dán logo các xe của công ty ...

- Tặng phẩm: Bộ bình trà, bình cắm hoa, đồng hồ, áo thun, áo đi mưa ... có in thương hiệu Đại Thiên Lộc

b) Xúc tiến thương mại

- Tham gia các chương trình giao thương, triển lãm, hội chợ trong và ngoài nước như: Hội chợ Vietbuild; Hội chợ thương mại quốc tế tại một số nước Đông Nam Á.

### 3. Tổ chức và nhân sự

3.1 Danh sách Ban điều hành (đến ngày 31/12/2020):

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc
2	Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Thanh Dung	Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Ngọc Khang	Q.Kế toán trưởng

### Tóm tắt lý lịch cá nhân của Ban điều hành

#### - Tổng Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Thanh Nghĩa
Số chứng minh nhân dân	052063000227
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	27/11/1963
Nơi sinh	Phù Cát, Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phù Cát, Bình Định
Địa chỉ thường trú	23/28 đường D2, CX Văn Thánh Bắc, P.25,



Số điện thoại liên lạc	Bình Thạnh, Tp.HCM 0903723725
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học
Quá trình công tác	
Từ 1987 - tháng 03/1992	Công tác tại Công ty Tài chính Tín dụng Seaprodex
Từ 1992 – 1993	Nhân viên Công ty XNK Thủy sản Tp. HCM
Từ 1993 – 2001	Phó Phòng, Trưởng phòng Nhập khẩu Công ty XNK Thủy sản Tp.HCM
Từ 2001 – tháng 05/2007	Chủ tịch HĐQT Giám đốc Công ty TNHH Đại Thiên Lộc
Từ tháng 06/2007 – tháng 07/2020	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Đại Thiên Lộc
Từ tháng 08/2020 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	29.220.213 cổ phần, chiếm 47,56% VDL
Số cổ phần của những người có liên quan	
Vợ: Nguyễn Thị Bích Liên	7.899.952 cổ phần, chiếm 12,86% VDL
Con ruột: Nguyễn Thanh Loan	6.244.378 cổ phần, chiếm 10,16% VDL
Con ruột: Nguyễn Thanh Dung	2.573.990 cổ phần, chiếm 4,19% VDL
Con ruột: Nguyễn Thanh Trúc	2.435.000 cổ phần, chiếm 3,96% VDL
Anh ruột: Nguyễn Quang Quảng	625 cổ phần, chiếm 0,001 % VDL
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

### Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	Đoàn Thị Mỹ Hồng
Số chứng minh nhân dân	281229407
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	07/12/1978
Nơi sinh	Bình Định
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Định
Địa chỉ thường trú	1/50 KP. Đông Chiêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương



Số điện thoại liên lạc	0888854558
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Trung Cấp Thống Kê_Kế Toán
Quá trình công tác	
Từ 2001 – tháng 06/2007	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc
Từ tháng 06/2007 – 2012	Thành viên HĐQT/Phó TGD Công ty CP Đại Thiên Lộc
Từ tháng 01/2019 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

### Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Thanh Dung
Số chứng minh nhân dân	079194002685
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	12/07/1994
Nơi sinh	TPHCM
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phù Cát, Bình Định
Địa chỉ thường trú	23/28 đường D2, CX Văn Thánh Bắc, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM
Số điện thoại liên lạc	0914394188
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học
Quá trình công tác	
Từ tháng 03/2017 – tháng 05/2020	Trợ lý TGD, Công ty CP Đại Thiên Lộc
Từ tháng 06/2020 – tháng 10/2020	Thành viên HĐQT, Công ty CP Đại Thiên Lộc
Từ tháng 11/2020 – nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	2.573.990 cổ phần, chiếm 4,19% VDL
Số cổ phần của những người có liên	



quan

Cha: Nguyễn Thanh Nghĩa	29.220.213 cổ phần, chiếm 47,56% VDL
Vợ: Nguyễn Thị Bích Liên	7.899.952 cổ phần, chiếm 12,86% VDL
Chị ruột: Nguyễn Thanh Loan	6.244.378 cổ phần, chiếm 10,16% VDL
Em ruột: Nguyễn Thanh Trúc	2.435.000 cổ phần, chiếm 3,96% VDL
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

### Q.Kế toán trưởng

Họ và tên	Lê Ngọc Khang
Số chứng minh nhân dân	281406941
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/07/1987
Nơi sinh	Thanh Hoá
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	P. Phú Mỹ, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Số điện thoại liên lạc	0914.394.187
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Quá trình công tác	
Từ 2010 - 2012:	Nhân Viên Kế Toán Công ty TNHH Proceeding
Từ 2012- 2015:	Nhân Viên Kế toán Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc
Từ 2016 – Đến nay:	Quyền Kế toán Trưởng Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

### 3.2 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Tình hình nhân sự



- Nguồn nhân lực: Đến 31/12/2020, tổng số lao động: 311 người, trong đó trình độ Thạc sĩ: 01 người; Đại học, cao đẳng: 81 người; trung cấp, công nhân kỹ thuật: 88 người; lao động phổ thông: 141 người;

- Thu nhập bình quân: 7.223.000đồng/tháng/người, giảm 16% so với năm 2019 là do dịch bệnh Covid-19 kéo dài ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

- Chế độ, chính sách lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động như: BHXH, BHYT, các chế độ khác theo quy định của Nhà nước. Người lao động được Công ty tổ chức tập huấn về ATLĐ, VSLĐ, được nâng cao kỹ năng quản lý và các kỹ năng khác. Năm 2020, tình hình kinh doanh không thuận lợi so với năm 2019, nhưng BLĐ công ty vẫn xem xét thưởng tết với mức phù hợp cho người lao động.

- Đào tạo: Trong năm 2020, Công ty đã tổ chức học lớp ATLĐ, VSLĐ, An toàn hóa chất cho hơn 400 CB-CNV trong toàn Tập đoàn với từng nội dung khác nhau.

### 3.3 Các công ty con, công ty liên kết:

#### - Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu thuần	-	-
Lợi nhuận sau thuế	(9.119.719)	(9.119.719)
Lợi nhuận phân bổ cho Cty CP ĐTL		

#### - Công ty TNHH Một thành viên Thép Đại Thiên Lộc

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu thuần	2.278.684.160.866	1.898.257.205.529
Lợi nhuận sau thuế	(63.369.547.020)	(7.444.898.625)
Lợi nhuận phân bổ cho Cty CP ĐTL		

## 4. Tình hình tài chính

### 4.1 Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2,793,380,792,933	2,429,042,885,603	-13.04
Doanh thu thuần	2,513,198,977,493	1,982,111,958,679	-21.13
Lợi nhuận từ hoạt động KD	(88,275,419,115)	85,710,463,239	-197.09
Lợi nhuận khác	(48,967,880,669)	(60,511,662,455)	23.57
Lợi nhuận trước thuế	(137,243,299,784)	25,198,800,784	-118.36
Lợi nhuận sau thuế	(140,469,059,611)	21,255,177,064	-115.13
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	



#### 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.15	1.22	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0.17	0.15	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.65	0.58	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.82	1.4	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	1.97	1.12	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.90	0.82	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0.055)	(0.011)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.14	0.02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.05	0.01	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0.035)	(0.04)	
.....			

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

##### 5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại: 61,435,604 cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 60,630,984 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): 804,620 cổ phiếu

##### 5.2 Cơ cấu cổ đông:

\* Thông tin về cơ cấu cổ đông *theo Danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 18/12/2020*

Cổ đông	Số lượng CD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ(%)
Trong nước	270	60,623,253	99.99
Cá nhân	240	46,226,423	76.24
Tổ chức	6	14,385,697	23.73
Nhà đầu tư CK chuyên nghiệp là các Cty CK	24	11,133	0.02



Nước ngoài	5	7,731	0.01
<b>Cá nhân</b>	<b>4</b>	<b>1,605</b>	<b>0.00</b>
<b>Tổ chức</b>	<b>1</b>	<b>6,126</b>	<b>0.01</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>275</b>	<b>60,630,984</b>	<b>100</b>

\* Thông tin về cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên, theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 18/12/2020)

ST T	Họ tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	23/28 đường D2, CX Văn Thánh Bắc, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM	29.220.213	47,56
2	Nguyễn Thị Bích Liên	327/47 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, Tp.HCM	7.899.952	12,86
3	Nguyễn Thanh Loan	23/28 đường D2, CX Văn Thánh Bắc, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM	6.244.378	10,16
4	Công ty TNHH Sản Xuất Thép Tâm Đức	số 300/20, Đường ĐT743a, Khu phố Chiêu Liêu, P.Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An, Bình Dương, Việt nam.	12.011.179	19,55
<b>Tổng cộng</b>			<b>55.375.722</b>	<b>90,13</b>

## 6.Quản lý nguồn vật liệu:

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

1. Nguyên liệu chính để sản xuất		31.563.803 Kg
2. Nguyên liệu để đóng gói sản phẩm		138.515 Kg
a. Nguyên liệu phụ khác:	+Axit Clohidric (HCL 32%)	1.340.860 Kg
	+Dầu Cấn	23.310 Kg
	+Dầu thủy Lực	15.268 Kg
	+Dầu DO 0.05% + chất tẩy dầu	92.905 Kg
	+Dung môi	83.422 Kg
	+Hộp kim nhôm kẽm (nội địa)	1.067.000 Kg
	+Sơn các loại	454.537 Kg



b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

Tỷ lệ phần trăm được sử dụng tái chế làm lõi: 5%

#### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện, Hơi nóng, Khí CNG

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Sử dụng biến tần cho toàn bộ phụ tải có công suất lớn: động cơ 1000kw/8cái, động cơ 1500kw/2cái, động cơ 1500kw/4cái. Năng lượng tiết kiệm được so với định mức: 15%

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

#### 6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Nguồn cung cấp nước: Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Môi trường Bình Dương
- Lượng nước sử dụng: 7.410 m<sup>3</sup> (năm 2020).

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

#### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lao động: 311 người, trong đó trình độ trên đại học, đại học, cao đẳng: 82 người; trung cấp, công nhân kỹ thuật: 88 người; lao động phổ thông: 141 người.

- Thu nhập bình quân: 7.223.000 đồng/tháng/người (giảm 16% so với năm 2019).

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động như BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ khác theo quy định của Nhà nước.

- Bên cạnh đó, công ty còn có chế độ thưởng vào các ngày lễ tết như: lương tháng 13 và tiền thưởng A,B,C vào dịp tết nguyên đán; tặng quà cho cán bộ, nhân viên nữ vào ngày 8/3 ; tặng quà cho con em cán bộ, nhân viên vào ngày lễ thiếu nhi; hỗ trợ cán bộ, nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, gặp tai nạn lao động hoặc gia đình có hiếu hỉ; Người lao động được Công ty tổ chức tập huấn về ATLĐ, VSLĐ, được nâng cao kỹ năng quản lý và các kỹ năng khác. Năm 2020, tình hình kinh doanh không thuận lợi



so với năm 2019, nhưng BLĐ công ty vẫn xem xét thưởng tết với mức phù hợp cho người lao động.

**c) Hoạt động đào tạo người lao động**

– Trong năm 2020, Công ty đã tổ chức học lớp ATLĐ, VSLĐ, An toàn hóa chất cho hơn 400 CB-CNV trong toàn Tập đoàn với từng nội dung khác nhau.

**6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

**a. Công tác xã hội, từ thiện:**

Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch đề ra nhưng Ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn quan tâm và thực hiện thường xuyên và xuyên suốt công tác từ thiện xã hội trên cả nước trong năm 2020 với số tiền 150 triệu đồng như: Tặng xe đạp cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ chương trình “Xuân với trẻ em khó khăn, ... Tuy số tiền từ thiện xã hội không phải quá lớn nhưng điều đó thể hiện trách nhiệm với cộng đồng xã hội của tập thể CB-CNV Tập đoàn Tôn ĐTL.

**b. Tài trợ các hoạt động xã hội, cộng đồng**

Trong năm, Tôn Đại Thiên Lộc tiếp tục là nhà tài trợ chính cho Giải đua xe đạp Truyền hình Bình Dương tranh cúp Tôn Đại Thiên Lộc, số tiền tài trợ 01 tỷ đồng. Ngoài ra, công ty còn là nhà Tài trợ cho giải quần vợt Cúp Truyền hình Hà Tĩnh với chủ đề “*Vì học sinh nghèo vượt khó*”. Cả 02 giải đấu mà công ty tài trợ ngoài việc cổ vũ cho phong trào thể dục – thể thao trong cả nước mà qua đó còn thể hiện công tác xã hội hóa khi qua các giải đấu đều thực hiện việc hỗ trợ trao tặng những phần quà giúp đỡ cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhưng biết nỗ lực vươn lên trong cuộc sống.

Một số hình ảnh hoạt động, xã hội từ thiện của các tổ chức đoàn thể trong công ty



Tài trợ giải đua xe đạp Truyền hình Bình Dương “cúp Tôn Đại Thiên Lộc”



Tặng xe đạp và gạo cho các học sinh nghèo tại các địa phương đoàn đua đi qua





Tài trợ Giải quần vợt cúp Truyền hình Hà Tĩnh với chủ đề “Vì học sinh nghèo vượt khó” số tiền 300 triệu đồng



Ban lãnh đạo Công ty trao quà cho hộ nghèo trong chương trình “San sẻ yêu thương” của đài PT-TH Bình Dương



Tặng xe đạp và gạo cho các học sinh nghèo tại các địa phương đoàn đưa đi qua

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

##### a) Kết quả SXKD năm 2020:

Chỉ tiêu	2019	2020	Kế hoạch 2020
- Doanh thu:	2,513 tỷ đồng	1,982 tỷ đồng	2,000 tỷ đồng
Trong đó xuất khẩu	2.07 triệu USD	1.481 triệu USD	1.5 triệu USD
- Lợi nhuận sau thuế:	(140.4) tỷ đồng	21.255 tỷ đồng	10 tỷ đồng

So với kế hoạch doanh thu, lợi nhuận do ĐHĐCĐ năm 2020 đã đề ra thì kết quả cho thấy:

+ Doanh thu đạt 99,25%. Trong đó, doanh thu xuất khẩu đạt 98,73% so với kế hoạch và giảm gần 28,45% so với năm 2019. Nguyên nhân sâu sa là do một số thị trường xuất khẩu truyền thống, nhất là các quốc gia trong khu vực ĐNÁ đã áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, làm cản trở hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp. Còn thị trường nội địa hầu như bị chững lại do việc xuất khẩu bị ngăn lại, các doanh nghiệp sản xuất đều tập trung “đánh” vào thị trường trong nước.



+ Về lợi nhuận năm 2020: Lãi hơn 21.255 tỷ đồng và đạt 212,55 % kế hoạch lợi nhuận 2020 đã đề ra.

### **b) Những tiến bộ Công ty đã đạt được**

Dây chuyền thép lá cán nguội hiện nay công ty sử dụng là công nghệ đảo chiều, vì vậy, sau khi cán sẽ phải cắt bỏ đi phần đầu và cuối cuộn mỗi bên khoảng 10 mét. Do đó, để khắc phục được “hạn chế” này, Công ty đã đưa ra phương án và mua sắm thiết bị máy móc để thực hiện việc hàn đầu cuối cuộn. Như vậy, việc hàn đầu cuối cuộn này giúp giảm việc cắt bỏ tôn phế liệu. Và hằng năm, công ty tiết kiệm chi phí khoản từ 2-3 tỷ đồng.

### **2. Tình hình tài sản và nợ phải trả:**

- Nguồn vốn vay năm nay giảm 31,03% so với năm trước nguyên nhân là do sản xuất năm 2020 có giảm hơn nên chi phí vay mua nguyên vật liệu giảm nhiều.

- Tình hình tài sản năm 2020 giảm 13,04% so với năm 2019 (Tài sản ngắn hạn giảm 15,51%, tài sản dài hạn giảm 6,65%.) vốn chủ sở hữu tăng 2,15%.

- Trong năm do giá Tôn, thép trong nước biến động mạnh, nhu cầu tiêu thụ giảm, cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành nghề làm cho tình hình kinh doanh của doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- củng cố bộ máy tổ chức, điều hành công ty.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý các hoạt động của công ty, xây dựng quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và thông tin quản lý.

- Tin học hóa hệ thống quản lý; ứng dụng phần mềm quản lý nguồn lực của doanh nghiệp (ERP) để chuẩn hóa quy trình quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của công ty.

- Kiểm tra thường xuyên, có chế độ bảo trì đối với các dây chuyền đang vận hành, sửa chữa, thay thế máy móc thiết bị cũ có công nghệ lạc hậu, chất lượng thấp bằng thiết bị chất lượng cao từ EU & Nhật.

- Tuyển dụng nhiều cán bộ kỹ thuật có trình độ, có kinh nghiệm để tiếp nhận chuyển giao từ phía nước ngoài, vận hành và kiểm soát tốt các dây chuyền sản xuất;

- Cải thiện môi trường làm việc, chế độ đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực trình độ cao, đóng góp tích cực cho Công ty.

- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí sản xuất, lưu thông để giảm giá thành sản phẩm, đầu tư ... đồng thời coi trọng chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Năm 2021, kinh tế thế giới đang tiềm ẩn những bất trắc không lường, khi đại dịch Covid – 19 vẫn diễn biến phức tạp. Cả thế giới đang oằn mình chống dịch nên



việc tập trung phát triển kinh tế đang là một bài toán hóc búa chưa có lời giải khi dịch bệnh vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt.

**Có thể đánh giá một số điểm thuận lợi và khó khăn trong năm 2020 như sau:**

### **1. Thuận lợi**

- Nhờ sự đồng lòng của tập thể CB-CNV công ty trong tình hình dịch bệnh khi Hội đồng quản trị vẫn duy trì được việc làm cho người lao động, mặc dù thu nhập có giảm để giữ chân người lao động khi dịch bệnh chấm dứt.
- Công ty sẽ chú trọng quảng bá thương hiệu trực tiếp đến các xưởng, đại lý.
- Hàng nhập khẩu giá rẻ đã không còn được người tiêu dùng tin tưởng lựa chọn. Do đó, hàng sản xuất trong nước sẽ có thêm chỗ đứng khi hàng nhập khẩu không còn khả năng cạnh tranh.

### **2. Khó khăn**

- Thị trường tôn mạ trong nước đang có sự cạnh tranh rất gay gắt, do một số nhà máy mới đầu tư thêm các dây chuyền sản xuất đã ra sản phẩm với giá cả và chất lượng rất cạnh tranh.
- Đa số các khách hàng đều có nhu cầu hạn mức dư nợ nhưng hiện nay công ty không thể đáp ứng được hầu hết do nguồn vốn chủ sở hữu còn hạn chế. Điều này đã ảnh hưởng phần nào đến kế hoạch, chiến lược kinh doanh của công ty.
- Việc kiểm soát chất lượng vẫn chưa đạt yêu cầu, chưa bắt triệt để lỗi sản phẩm, khách hàng vẫn còn khiếu nại gây ảnh hưởng đến uy tín công ty. Và việc mất thị trường xuất khẩu tiềm năng vẫn đang là thách thức lớn khi chất lượng hiện nay vẫn chưa thực sự ổn định.
- Nhân sự có trình độ, kinh nghiệm quản lý trong sản xuất hiện nay vẫn còn thiếu, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại các dây chuyền. Do đó, ảnh hưởng ít nhiều đến việc xử lý khi có sự cố xảy ra.

## **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

### **1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động:**

- Năm 2020 là năm đánh dấu sự nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty giúp vực doanh nghiệp qua được các thử thách của thị trường. Doanh thu đạt 1.982 tỷ và đạt 99,25% và chưa đạt kế hoạch mà Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020 đã đề ra.
- Thị trường xuất khẩu đang dần bị thu hẹp do các nước là thị trường xuất khẩu truyền thống của công ty đã tiến hành áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, do đó kìm hãm việc xuất khẩu của các công ty thép Việt nam trong đó có Tôn Đại Thiên Lộc.
- Theo đó, trong năm 2020, công ty đã dành một phần ngân sách (có giảm hơn so với năm 2019) cho công tác từ thiện xã hội và tài trợ các chương trình xã hội hóa và thực hiện công tác quảng bá thương hiệu sản phẩm nhằm cho người tiêu dùng ngày càng biết đến thương hiệu Tôn Đại Thiên Lộc.



- Bên cạnh đó, Tôn nhập khẩu đã dần mất niềm tin của người tiêu dùng trong nước do chất lượng thấp và đây là điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp sản xuất trong nước.

### 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Trong năm 2020, Ban Giám đốc công ty luôn đồng hành và tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị. Đưa ra được những kế hoạch cụ thể trong việc tổ chức kinh doanh, chăm sóc khách hàng, tìm hiểu và đánh giá khả năng tiềm lực tài chính của từng khách hàng để có những chính sách đặc biệt. Đồng thời, luôn theo dõi sát sao công tác sản xuất nhằm chấn chỉnh kịp thời, giúp chất lượng sản phẩm tăng lên một cách đáng kể. Tỷ lệ hàng loại 2, phế phẩm đã giảm rất nhiều. Nhờ đó, sản phẩm đã được người tiêu dùng đánh giá cao và tin dùng. Qua đó đã giúp tăng doanh thu bán hàng cao hơn so với các năm trước.

- Đồng thời, công tác thị trường, quảng bá thương hiệu đã được quan tâm đầu tư trong một thời kỳ cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tái cơ cấu lại nguồn vốn, tập trung vào sản xuất kinh doanh. Đối với thị trường trong nước, chú trọng vào việc đưa hàng hóa đến trực tiếp các cửa hàng, đại lý; Đẩy mạnh việc xuất khẩu sang một số thị trường mới, tiềm năng, không phụ thuộc vào yếu tố thương mại như trước đây;

- Triển khai một số chương trình quảng cáo, tổ chức sự kiện nhằm quảng bá hình ảnh sản phẩm, thương hiệu cũng như chất lượng tôn Đại Thiên Lộc cho nhiều người dân biết đến, giúp công ty tiếp cận gần hơn nữa với người tiêu dùng.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị:

Tóm tắt lý lịch cá nhân của thành viên HĐQT

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
(Xem lý lịch cá nhân Tổng Giám đốc)

### 2. Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Nguyễn Thị Bích Liên
Số chứng minh nhân dân	020723726
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	08/06/1964
Nơi sinh	Nam Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nam Định
Địa chỉ thường trú	327/47 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, Tp.HCM



Số điện thoại liên lạc	0903389175
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kinh doanh
Quá trình công tác	
Từ 1984 – 1988	làm việc tại Phân Viện Khoa học Kỹ thuật thuộc UBKHKHKT (số 49 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP HCM)
Từ 1989 – 1999	Nội trợ
Từ 2000 – 2005	Giám đốc Công ty TNHH SX TM Thép Thiên Lộc
Từ 2006 – tháng 4/2011	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ Công ty CP Đại Thiên Lộc
Từ tháng 4/2011 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	7,899,952 cổ phần, chiếm 12.86% VDL
Số cổ phần của những người có liên quan	
Chồng: Nguyễn Thanh Nghĩa	29.220.213 cổ phần, chiếm 47,56% VDL
Con ruột: Nguyễn Thanh Loan	6.244.378 cổ phần, chiếm 10,16 % VDL
Con ruột: Nguyễn Thanh Dung	2.573.990 cổ phần, chiếm 4,19 % VDL
Con ruột: Nguyễn Thanh Trúc	2.435.000 cổ phần, chiếm 3,96% VDL
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

### 3. Thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Họ và tên	Trương Mạnh Lân
Số chứng minh nhân dân	215027009
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	25/04/1987
Nơi sinh	Tam Quan Nam, Hoài Nhơn, Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Định
Địa chỉ thường trú	Tam Quan Nam, Hoài Nhơn, Bình Định
Số điện thoại liên lạc	0888854559
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Quá trình công tác	
Từ tháng 08/2019 đến nay	Phó Giám đốc sản xuất



Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0 % VDL
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

4. Bà Nguyễn Thanh Dung: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

(Xem lý lịch cá nhân Phó Tổng Giám đốc)

#### **Hoạt động của HĐQT năm 2020**

##### **Thành viên và cơ cấu của HĐQT**

- HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 tính đến thời điểm tháng 12/2020 gồm 3 người: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Chủ tịch HĐQT; ông Nguyễn Thanh Nghĩa - Phó Chủ tịch HĐQT và Bà Nguyễn Thanh Dung - Thành viên.

- Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 13 cuộc họp với một số nội dung như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	NQ 01/2020/DTL-NQHĐQT	16/01/2020	V/v Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với bà Lâm Thị Kim Phượng
2	NQ 02/2020/NQ-HĐQT	21/04/2020	V/v Bổ nhiệm thành viên Ban kiểm toán nội bộ
3	NQ 03/2020/NQ-HĐQT	06/05/2020	V/v Chốt danh sách cổ đông tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
4	NQ 04/2020/NQ-HĐQT	21/05/2020	V/v Tạm ngừng hoạt động kinh doanh một số chi nhánh.
5	NQ 05/2020/NQ-HĐQT	03/07/2020	V/v Thông qua giao dịch vay giữa công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc với ông Nguyễn Thanh Nghĩa
6	NQ 06/2020/DTL-NQHĐQT	24/07/2020	V/v Điều chỉnh chuyển nhượng quyền sử dụng đất Vị Thanh – Hậu Giang
7	NQ 07/2020/NQ-HĐQT	31/07/2020	V/v Miễn nhiệm và bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025
8	NQ 08/2020/NQ-HĐQT	05/08/2020	V/v Tạm ngừng hoạt động kinh doanh chi nhánh tại Bà Rịa
9	NQ 08A/2020/ DTL-NQHĐQT	04/11/2020	V/v Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc CTCP Đại Thiên Lộc
10	NQ 09/2020/NQ-HĐQT	10/11/2020	V/v Bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh
11	NQ 10/2020/NQ-HĐQT	19/11/2020	V/v Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản



12	NQ 11/2020/NQ-HĐQT	29/12/2020	V/v Thông qua giao dịch tạm mượn giữa Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc với ông Nguyễn Thanh Nghĩa
13	NQ 12/2020/NQ-HĐQT	31/12/2020	V/v Thành lập Ban kiểm phiếu và Ban giám sát việc kiểm phiếu xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông V/v Bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh và Sửa đổi Khoản 1, Điều 3 Điều lệ công ty

*Hoạt động của HĐQT*

- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2020 vào ngày 29/06/2020.

- Trong năm 2020, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị đã triển khai một số công việc như sau: Tạm dừng kinh doanh một số chi nhánh, bổ sung một số ngành nghề kinh doanh, bổ nhiệm...

Công tác quan hệ nhà đầu tư

- Bên cạnh các hoạt động SXKD, công ty cũng thực hiện tốt chế độ báo cáo, công bố thông tin cho cơ quan chức năng và nhà đầu tư theo luật định.

- Các thông tin của công ty đều được công bố đầy đủ tại website của công ty và trên các phương tiện thông tin đại chúng ...

**2. Ban Kiểm toán nội bộ:**

a) Thành viên và cơ cấu:

**Tóm tắt lý lịch cá nhân**

**1. Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ:**

Họ và tên	Đoàn Thị Bích Thúy
Số chứng minh nhân dân	271688781
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	11/05/1985
Nơi sinh	Đồng Nai
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Định
Địa chỉ thường trú	Thọ Trung, Xuân Thọ, Xuân Lộc, Đồng Nai
Số điện thoại liên lạc	0914394290
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 2005 – tháng 05/2007	công tác tại Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc



<i>Từ tháng 06/2007 – nay</i>	công tác tại Công ty Cổ Phần Đại Thiên Lộc
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	30 cổ phần, chiếm 0,001% VDL
<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty</i>	Không

<b>2. Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ</b>	
<i>Họ và tên</i>	Nguyễn Văn Chương
<i>Số chứng minh nhân dân</i>	215163193
<i>Giới tính</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	25/08/1991
<i>Nơi sinh</i>	Bình Định
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	Kinh
<i>Quê quán</i>	Bình Định
<i>Địa chỉ thường trú</i>	Cát Thành, Phù Cát, Bình Định
<i>Số điện thoại liên lạc</i>	0914394295
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Cử nhân Kế toán
<i>Quá trình công tác</i>	
<i>Từ năm 02/2013 - 08/2015</i>	Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc
<i>Từ 08/2015 – 12/2019</i>	Nhân viên kế toán tại Công ty Cơ khí và Xây Dựng DTL
<i>Từ 01/2020 – đến nay</i>	Làm việc tại CTCP Đại Thiên Lộc
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	0 cổ phần
<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty</i>	

<b>3. Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ</b>	
<i>Họ và tên</i>	Lê Thị Thu Dung
<i>Số chứng minh nhân dân</i>	2280919923
<i>Giới tính</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	22/10/1979



Nơi sinh	Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hải Phòng
Địa chỉ thường trú	48/7 KP BìnhQuới A, P.BìnhChuân, Thuận An, BìnhDương
Số điện thoại liên lạc	
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cao đẳng kế toán
Quá trình công tác	
Từ 08/2017 đến nay	Nhân viên Kế toán CTCP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	Không
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

b) Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:

Trong năm 2020, Ban kiểm toán nội bộ đã tổ chức họp định kỳ. Nội dung các cuộc họp trong năm nhằm:

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định được ban hành bởi Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Điều hành nhằm định hướng cho công tác quản lý, điều hành trong năm 2019;
- Ghi nhận lại những vấn đề đã, chưa thực hiện được trong quý; Từ đó, có kiến nghị, đề xuất lên HĐQT và Ban Điều hành. Đồng thời, đưa ra các nội dung và kế hoạch cần triển khai trong quý tiếp theo;
- Kiểm tra, đóng góp ý kiến đối với việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ của các phòng ban mà có nội dung không phù hợp hoặc trái với các quy định của pháp luật, điều lệ công ty;

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí chi tiết cho từng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát: Không

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (giao dịch phát sinh trong năm 2020)

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
01	Công ty TNHH Sản xuất thép	Cổ đông lớn/ Thành viên góp vốn	11.052.389	17,99	12.011.179	19,55	Mua



	Tâm Đức						
02	Nguyễn Thanh Trúc	Con/ Em	0	0	2.435.000	3,96%	Mua

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Hợp đồng giao dịch vay và tạm mượn giữa Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc với ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Thiếu các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động cho Hội đồng quản trị. Hiện nay, do nguồn nhân lực có trình độ quản trị và khả năng giúp việc cho HĐQT còn tương đối thiếu do đó chưa thể thành lập được các tiểu ban để giúp việc cho HĐQT; Vì vậy, công tác quản trị tập trung hầu hết vào Hội đồng quản trị và trong tương lai, công ty sẽ thực hiện việc tái cấu trúc về tổ chức, về nhân sự và tiến tới thiết lập các tiểu ban hỗ trợ cho HĐQT một số hoạt động.

#### VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Tổng giám đốc**



**NGUYỄN THANH NGHĨA**



# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 43

36  
CÔNG  
T  
- TO  
- V  
- T

370  
C  
C  
ẠI T  
ĐẦU M



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01/08/2020)
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01/08/2020)
Bà Nguyễn Thanh Dung	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đoàn Thị Bích Thủy	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thu Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22/04/2020)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Dung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04/11/2020)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Nhóm công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đoàn Thị Mỹ Hồng**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2021



Số: 492/2021/KT-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

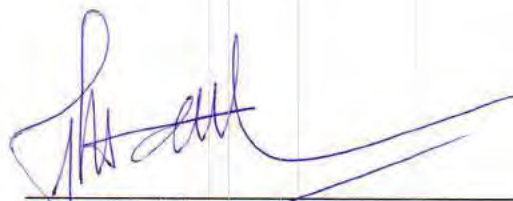
### KT TỔNG GIÁM ĐỐC



**Nguyễn Thụy Nhã Vy**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1875-2018-026-1

(Theo giấy ủy quyền số 06/2020-21/UQ-RSM  
ngày 01 tháng 10 năm 2020)



**Phan Hoài Nam**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
3527-2021-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.702.709.011.876</b>	<b>2.015.325.757.859</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>4.781.667.643</b>	<b>43.365.726.311</b>
1. Tiền	111		2.310.421.507	7.049.844.711
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.471.246.136	36.315.881.600
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>3.011.000.000</b>	<b>3.426.112.400</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.011.000.000	3.426.112.400
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>200.440.990.266</b>	<b>213.017.261.062</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	204.920.061.065	229.432.317.168
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.205.384.182	4.305.361.297
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	13.305.880.139	8.258.134.280
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(21.028.377.479)	(28.978.551.683)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		38.042.359	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.6	<b>1.492.332.569.909</b>	<b>1.715.234.035.130</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.492.332.569.909	1.734.594.754.461
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(19.360.719.331)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.142.784.058</b>	<b>40.282.622.956</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.833.662.544	7.716.463.721
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		281.248.693	32.566.159.235
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		27.872.821	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>726.333.873.727</b>	<b>778.055.035.074</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.481.569.342</b>	<b>4.767.797.254</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	6.481.569.342	4.767.797.254
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>463.723.893.829</b>	<b>545.515.021.492</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	361.066.462.613	434.723.769.212
Nguyên giá	222		1.042.079.480.467	1.027.462.946.939
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(681.013.017.854)	(592.739.177.727)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.10	95.487.772.378	100.807.162.238
Nguyên giá	225		120.397.413.859	118.752.101.100
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(24.909.641.481)	(17.944.938.862)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	7.169.658.838	9.984.090.042
Nguyên giá	228		11.815.527.730	14.305.527.730
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.645.868.892)	(4.321.437.688)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>214.939.735.257</b>	<b>185.682.633.989</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	214.939.735.257	185.682.633.989
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	<b>68.477.795</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	68.477.795
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>41.188.675.299</b>	<b>42.021.104.544</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	41.188.675.299	40.583.080.819
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	1.438.023.725
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.429.042.885.603</b>	<b>2.793.380.792.933</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.418.376.401.407</b>	<b>1.803.969.485.801</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.397.225.283.419</b>	<b>1.757.127.739.299</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	276.564.161.228	417.843.335.122
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	16.488.953.541	11.878.213.764
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	9.852.203.094	686.806.677
4. Phải trả người lao động	314		4.256.774.553	1.596.695.535
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	14.122.603.043	16.986.000.231
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	208.527.585.547	75.827.225.487
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	858.367.293.238	1.222.829.190.221
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.045.709.175	9.480.272.262
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21.151.117.988</b>	<b>46.841.746.502</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	14.072.011.164	42.162.639.678
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		7.079.106.824	4.679.106.824
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.010.666.484.196</b>	<b>989.411.307.132</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.18	<b>1.010.666.484.196</b>	<b>989.411.307.132</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		614.356.040.000	614.356.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		166.825.342.471	166.825.342.471
3. Cổ phiếu quỹ	415		(14.481.143.515)	(14.481.143.515)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.333.608.304	45.333.608.304
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.409.121.366	2.409.121.366
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		196.223.515.570	174.968.338.506
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		174.968.338.506	315.437.398.117
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.255.177.064	(140.469.059.611)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.429.042.885.603</b>	<b>2.793.380.792.933</b>

Phê duyệt

**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ĐẠI THIÊN LỘC**

**Đoàn Thị Mỹ Hồng**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập

**Lê Ngọc Khang**  
**Người lập kiêm Kế toán trưởng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.983.198.923.211	2.517.200.392.762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	1.086.964.532	4.001.415.269
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.982.111.958.679	2.513.198.977.493
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	1.788.943.521.940	2.423.874.626.569
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		193.168.436.739	89.324.350.924
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	2.831.499.046	4.409.832.008
7. Chi phí tài chính	22	5.5	75.685.416.564	88.609.509.832
Trong đó, chi phí lãi vay	23		73.859.093.446	86.095.909.060
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	9.761.881.292	40.640.370.703
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	24.842.174.690	52.759.721.412
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		85.710.463.239	(88.275.419.015)
11. Thu nhập khác	31		1.045.828.817	732.311.321
12. Chi phí khác	32	5.8	61.557.491.272	49.700.192.090
13. Lợi nhuận khác	40		(60.511.662.455)	(48.967.880.769)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.198.800.784	(137.243.299.784)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	105.600.000	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3.838.023.720	3.225.759.827
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.255.177.064	(140.469.059.611)
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		21.255.177.064	(140.469.059.611)
19. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.18.4	351	(2.317)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.5	351	(2.317)

Phê duyệt

Người lập

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ĐẠI THIÊN LỘC

Đoàn Thị Mỹ Hồng  
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Lê Ngọc Khang

Người lập kiêm Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.198.800.784	(137.243.299.784)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		123.019.570.817	117.233.598.798
Các khoản dự phòng	03		(27.310.893.535)	22.628.564.185
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(930.367.812)	(29.275.758)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.529.541.324)	(1.887.052.331)
Chi phí lãi vay	06	5.5	73.859.093.446	86.095.909.060
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>192.306.662.376</b>	<b>86.798.444.170</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		51.687.710.638	47.960.601.869
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		242.262.184.552	(133.715.635.545)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		856.467.229	171.473.041.686
Tăng giảm chi phí trả trước	12		5.277.206.697	(2.893.823.082)
Tiền lãi vay đã trả	14		(73.859.093.446)	(86.059.682.460)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(105.600.000)	(4.243.962.934)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(434.563.087)	(428.272.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>417.990.974.959</b>	<b>78.890.711.704</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(46.226.985.979)	(21.293.155.115)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.460.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(12.931.000.000)	(3.426.112.400)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.346.112.400	7.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		68.477.795	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		860.575.470	1.887.052.331
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(42.422.820.314)</b>	<b>(15.832.215.184)</b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**Mẫu số B 03 - DN/HN****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.2	1.458.409.942.920	2.376.819.592.759
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.3	(1.826.341.108.376)	(2.400.100.887.094)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(46.483.460.036)	(35.935.043.484)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(414.414.625.492)</b>	<b>(59.216.337.819)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(38.846.470.847)</b>	<b>3.842.158.701</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		43.365.726.311	39.471.949.188
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		262.412.179	51.618.422
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>				
<b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	4.1	<b>4.781.667.643</b>	<b>43.365.726.311</b>

Phê Duyệt

Người lập



Đoàn Thị Mỹ Hồng

Lê Ngọc Khang

Phó Tổng Giám đốc

Người lập kiêm Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4602000250 ngày 12 tháng 04 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 9 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán là DTL theo Giấy phép Niêm yết do SGDCKHCM cấp ngày 28 tháng 05 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 2 công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2020 gồm:

Tên	Địa chỉ	Ghi chú
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ	Số 79A Trần Hưng Đạo, Khu vực Bình Thạnh B, Phường Bình Thạnh, TX. Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	Đang tạm nghỉ kinh doanh đến 31/12/2020
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh	295 Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	Đang tạm nghỉ kinh doanh đến 31/12/2020
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa	19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.	Đang tạm nghỉ kinh doanh đến 31/12/2020
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đà Nẵng	Thông Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	Đang hoạt động

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 31/12/2020 là 311 (31/12/2019 là: 439).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm – kẽm, mạ màu, ống thép, xà gồ thép;
- Kinh doanh thép cán nóng, thép tấm, thép hình, thép xây dựng.
- Sản xuất điện mặt trời, truyền tải và phân phối điện.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc Nhóm công ty**

Năm 2020, Nhóm công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 2 công ty con trực tiếp. Trong năm, không có thay đổi cấu trúc của Nhóm công ty.

**1.6. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất**

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH Một Thành viên Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	100%
2.	Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, Đường 22, KCN Sóng Thần 2, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	100%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**2.5. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

### ***Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ***

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

### **3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

### **3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

### **3.4. Đầu tư tài chính**

#### ***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

### ***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác***

*Đối với các khoản đầu tư khác*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

### **3.5. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

#### ***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **3.6. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ    | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                  |            |
|----------------------------------|------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 8 – 20 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 4 – 12 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 7 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 5 năm      |



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### ***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là từ 39 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

##### ***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là 6 năm.

### **3.9. Thuê tài sản**

#### ***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

#### ***Thuê tài chính***

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Nhóm công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

- |                                  |                |
|----------------------------------|----------------|
| ▪ Máy móc thiết bị               | 60 – 120 tháng |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 34 – 43 tháng  |

#### ***Thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3.10. Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **3.11. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê là 43 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 tháng đến 36;

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

### **3.12. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### **3.13. Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

### **3.14. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.16. Doanh thu và thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 3.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

#### 3.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái.

#### 3.20. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

#### 3.21. Thuế

##### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

##### *Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Nhóm công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

*Ưu đãi, miễn giảm thuế của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:*

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 (mười hai) năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2012 đến năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2021).

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp chịu thuế suất 0% đối với hàng xuất khẩu và 10% đối với hàng bán trong nước.

#### **Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

### **3.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****3.23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.24. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.25. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Tại ngày 31/12/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
Tiền mặt	791.183.272	681.099.226
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.519.238.235	6.368.745.485
Các khoản tương đương tiền	2.471.246.136	36.315.881.600
<b>Cộng</b>	<b>4.781.667.643</b>	<b>43.365.726.311</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất từ 3,00% đến 3,10%.

**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với lãi suất 5,5%/năm. Các hợp đồng tiền gửi này đã được dùng để cầm cố, đảm bảo cho việc mở thư tín dụng tại ngân hàng – Xem thêm mục 4.17.

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	149.316.052.513	151.539.386.978
Phải thu từ khách hàng:		
PT Blue Steel Industries	8.558.919.281	8.600.606.559
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Hoàng Anh	6.478.338.282	6.931.332.913
Công Ty TNHH SX TM Thép Thành Chung	3.781.172.002	
Các khách hàng khác	36.785.578.987	62.360.990.718
<b>Cộng</b>	<b>204.920.061.065</b>	<b>229.432.317.168</b>

Trong đó, giá trị các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng là 41.140.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo khoản cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17.

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.4. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn:				
Phải thu khác các bên liên quan – Xem thêm mục 8	5.881.670.817	(953.202.080)	4.789.995.733	(953.202.080)
Phải thu người lao động	549.821.673	-	871.548.489	-
Phải thu khác	6.874.387.649	(2.062.334.860)	2.596.590.058	(2.062.334.860)
<b>Cộng</b>	<b>13.305.880.139</b>	<b>(3.015.536.940)</b>	<b>8.258.134.280</b>	<b>(3.015.536.940)</b>

Dài hạn:

Ký cược, kỳ quỹ

6.481.569.342

-

4.767.797.254

-

Tại ngày 31/12/2020, phải thu khác ngắn hạn có số dư mỗi khoản dưới 10% tổng số phải thu khác ngắn hạn.

**4.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	30.573.165.594	9.544.788.115	29.727.008.328	748.456.645



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu khách hàng, phải thu khác quá hạn theo đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020				Tại ngày 01/01/2020			
	VND				VND			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
PT Blue Steel Industries Công ty TNHH SX TM	8.437.951.733	8.437.951.733	Trên 03 năm Từ 02 đến 03 năm		8.437.951.733	-	Trên 03 năm Từ 02 đến 03 năm	
Thép Thành Chung Công ty TNHH SX TM	3.781.172.002	-	-		3.781.172.002	-	-	
Tôn Tân Thành	2.896.315.858	-	Trên 03 năm Từ 01 năm đến trên 03 năm		2.896.315.858	-	Trên 03 năm Từ 01 năm đến trên 03 năm	
Các khách hàng khác	15.457.726.001	1.106.836.382			14.611.568.735	748.456.645		
<b>Cộng</b>	<b>30.573.165.594</b>	<b>9.544.788.115</b>			<b>29.727.008.328</b>	<b>748.456.645</b>		

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2020	131.047.409.419	848.957.545.797	45.905.943.873	1.552.047.850	1.027.462.946.939
Mua trong năm	-	22.842.378.064	-	-	22.842.378.064
Đầu tư XDCB hoàn thành	84.168.635	-	-	-	84.168.635
Mua lại tài sản thuê	-	20.216.787.236	-	-	20.216.787.236
Thanh lý, nhượng bán	-	(29.037.400.407)	-	-	(29.037.400.407)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>131.131.578.054</b>	<b>862.979.310.690</b>	<b>46.416.543.873</b>	<b>1.552.047.850</b>	<b>1.042.079.480.467</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2020	48.923.178.045	515.516.351.341	26.872.711.864	1.426.936.477	592.739.177.727
Khấu hao trong năm	6.697.743.769	95.709.309.949	4.388.734.830	63.451.291	106.859.239.839
Mua lại tài sản thuê	-	8.814.134.655	-	-	8.814.134.655
Thanh lý, nhượng bán	-	(26.706.837.078)	(118.386.683)	-	(26.825.223.761)
Giảm khác	-	(574.310.606)	-	-	(574.310.606)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>55.620.921.814</b>	<b>592.758.648.261</b>	<b>31.143.060.011</b>	<b>1.490.387.768</b>	<b>681.013.017.854</b>

Giá trị còn lại:

Tại ngày 01/01/2020	82.124.231.374	333.441.194.456	19.033.232.009	125.111.373	434.723.769.212
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>75.510.656.240</b>	<b>270.220.662.429</b>	<b>15.273.483.862</b>	<b>61.660.082</b>	<b>361.066.462.613</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 211.178.323.416 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17.  
Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 68.995.883.514 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
				VND
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	52.684.020.348	52.684.020.348	5.921.169.767	5.921.169.767
Phải trả cho người bán:				
Ouda Yicahng Machinery and Electrical Equipment Manufacture Co., Ltd	65.413.216.885	65.413.216.885	65.992.963.490	65.992.963.490
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Và Đầu Tư Thép An Bình	92.232.003.502	92.232.003.502	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	66.234.920.493	66.234.920.493	345.929.201.865	345.929.201.865
<b>Cộng</b>	<b>276.564.161.228</b>	<b>276.564.161.228</b>	<b>417.843.335.122</b>	<b>417.843.335.122</b>

**4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
				VND
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Và Đầu Tư Thép An Bình	2.754.887.635	2.754.887.635	-	-
Công Ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất Và Đầu Tư An Bình	4.497.057.342	4.497.057.342	-	-
JNB International General Trading LLC	1.816.004.664	1.816.004.664	-	-
Avic International Steel Trade (HK) Co., Ltd	1.725.249.725	1.725.249.725	1.725.249.725	1.725.249.725
Các khách hàng khác	5.695.754.175	5.695.754.175	10.152.964.039	10.152.964.039
<b>Cộng</b>	<b>16.488.953.541</b>	<b>16.488.953.541</b>	<b>11.878.213.764</b>	<b>11.878.213.764</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2020		Trong năm		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	9.212.372.013	17.380.429.466	8.168.057.453	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	24.508.125.872	24.508.125.872	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	3.069.574.909	3.069.574.909	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	40.541.329	105.600.000	105.600.000	-	40.541.329
Thuế thu nhập cá nhân	27.872.821	1.982.030	60.382.652	135.231.069	-	48.957.626
Các loại thuế khác	-	597.307.722	118.422.877	118.422.877	-	597.307.722
<b>Cộng</b>	<b>27.872.821</b>	<b>9.852.203.094</b>	<b>45.242.535.776</b>	<b>36.105.012.180</b>	<b>-</b>	<b>686.806.677</b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí phải trả các bên liên quan – Xem thêm mục 8	11.239.468.101	11.239.468.101
Chi phí phải trả cho nhân viên	1.144.512.595	3.285.225.495
Các khoản trích trước khác	1.738.622.347	2.461.306.635
<b>Cộng</b>	<b>14.122.603.043</b>	<b>16.986.000.231</b>

**4.16. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	198.745.714.147	72.888.772.363
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.781.871.400	2.938.453.124
<b>Cộng</b>	<b>208.527.585.547</b>	<b>75.827.225.487</b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.17. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020		Trong năm		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	772.590.548.511	772.590.548.511	1.289.681.942.920	1.647.403.064.236	1.130.311.669.827	1.130.311.669.827
Vay ngắn hạn cá nhân là bên liên quan – Xem thêm mục 8	61.481.139.056	61.481.139.056	168.728.000.000	170.454.697.468	63.207.836.524	63.207.836.524
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	24.295.605.671	24.295.605.671	-	-	29.309.683.870	29.309.683.870
<b>Cộng</b>	<b>858.367.293.238</b>	<b>858.367.293.238</b>	<b>1.458.409.942.920</b>	<b>1.817.857.761.704</b>	<b>1.222.829.190.221</b>	<b>1.222.829.190.221</b>
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	1.883.297.992	1.883.297.992	-	8.483.346.672	10.366.644.664	10.366.644.664
Nợ thuê tài chính	36.484.318.843	36.484.318.843	21.862.099.995	46.483.460.036	61.105.678.884	61.105.678.884
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	(24.295.605.671)	(24.295.605.671)	-	-	(29.309.683.870)	(29.309.683.870)
<b>Cộng</b>	<b>14.072.011.164</b>	<b>14.072.011.164</b>	<b>21.862.099.995</b>	<b>54.966.806.708</b>	<b>42.162.639.678</b>	<b>42.162.639.678</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các khoản vay ngân hàng được chi tiết như sau:

- Vay ngắn hạn ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KCN Sóng Thần với tổng hạn mức 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ VND), lãi suất 6,50%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt thép, tôn cuộn các loại; MỞ LC; Chiết khấu; Phát hành bảo lãnh và các hình thức cấp tín dụng khác. Khoản vay được đảm bảo bằng dây chuyền máy móc và hàng hóa nhập khẩu – Xem thêm mục 4.6, mục 4.7 và mục 4.8.
- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương với hạn mức tín dụng 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ VND), lãi suất 6,50 – 7,80%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê tọa lạc tại 1 phần lô CN8, KCN Sóng Thần, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam; Máy móc thiết bị; Toàn bộ quyền đối nợ luân chuyển; hàng hóa thuộc sở hữu của Nhóm công ty tại kho Sóng Thần III, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Việt Nam và Kho Thanh Trúc, 300/20 đường DT 743A, Khu phố Chiêu Liểu, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam; Tài sản của các bên liên quan – Xem thêm mục 4.3, mục 4.6, mục 4.8, và mục 4.11 và mục 8.
- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp (“Ngân hàng Sacombank”) với hạn mức tín dụng 600.000.000.000 VND (sáu trăm tỷ VND), lãi suất 7,00 – 7,50%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các sổ tiền gửi tiết kiệm; Quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thị Bích Liên, và toàn bộ hàng hóa là kẽm, sắt thép các loại (trừ phế liệu) được thanh toán thông qua Ngân hàng Sacombank của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc – Xem thêm mục 4.2, mục 4.6 và mục 8.
- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương với hạn mức tín dụng 30.000.000.000 VND (ba mươi tỷ VND), lãi suất 6,50%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng cầm cố sổ/ thẻ tiết kiệm thuộc sở hữu bởi Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thị Bích Liên – Xem thêm mục 8.
- Vay dài hạn ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng 2.000.000.000 VND (hai tỷ VND), lãi suất 9,59%/năm, để mua phương tiện vận tải. Thời hạn vay là 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được hình thành từ khoản vay – Xem thêm mục 4.8.
- Vay dài hạn ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp theo với lãi suất 9,40%/năm. Mục đích vay là để mua phương tiện vận tải. Thời hạn là 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai – Xem thêm mục 4.8.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản vay cá nhân được chi tiết như sau:

- Vay ngắn hạn cá nhân của ông Nguyễn Thanh Nghĩa bằng hình thức tín chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7,30%/năm.
- Vay ngắn hạn cá nhân của bà Nguyễn Thị Bích Liên bằng hình thức tín chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.
- Vay ngắn hạn cá nhân của bà Nguyễn Thanh Loan bằng hình thức tín chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.
- Vay ngắn hạn cá nhân của bà Nguyễn Thanh Dung bằng hình thức tín chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.

Khoản nợ thuế tài chính là khoản thuế tài chính của Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam, Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh có thời hạn thuế từ 34 tháng đến 120 tháng, lãi suất thuế từ 8,00% đến 10,00%/năm.

Các khoản nợ thuế tài chính được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

#### Tại ngày 31/12/2020

VND

Thời hạn:	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	24.900.513.975	2.154.872.976	22.745.640.999	28.546.859.446	7.720.522.248	20.826.337.198
Trên 1 năm đến 5 năm	14.331.779.911	593.102.067	13.738.677.844	45.727.924.023	5.448.582.337	40.279.341.686
<b>Cộng</b>	<b>39.232.293.886</b>	<b>2.747.975.043</b>	<b>36.484.318.843</b>	<b>74.274.783.469</b>	<b>13.169.104.585</b>	<b>61.105.678.884</b>

#### Tại ngày 01/01/2020

VND

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
	VND	VND	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của vốn chủ sở hữu	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	614.354.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366		315.437.398.117	1.129.880.366.743
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-		(140.469.059.611)	(140.469.059.611)
Tại ngày 01/01/2020	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366		174.968.338.506	989.411.307.132
Lỗi trong năm nay	-	-	-	-	-		21.255.177.064	21.255.177.064
Tại ngày 31/12/2020	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366		196.223.515.570	1.010.666.484.196

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	292.202.130.000	292.202.130.000
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	120.111.790.000	83.530.700.000
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	78.999.520.000	78.999.520.000
Bà Nguyễn Thanh Loan	62.443.780.000	62.443.780.000
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	26.195.800.000	26.195.800.000
Bà Nguyễn Thanh Trúc	24.350.000.000	-
Cổ đông khác	10.053.020.000	70.984.110.000
<b>Cộng</b>	<b>614.356.040.000</b>	<b>614.356.040.000</b>

**4.18.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(804.620)	(804.620)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	60.630.984	60.630.984

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.18.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế của công ty mẹ	21.255.177.064	(140.469.059.611)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.255.177.064	(140.469.059.611)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	60.630.984	60.630.984
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>351</b>	<b>(2.317)</b>

**4.18.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế của công ty mẹ	21.255.177.064	(140.469.059.611)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.255.177.064	(140.469.059.611)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	60.630.984	60.630.984
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>351</b>	<b>(2.317)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020</b>
Ngoại tệ các loại:		
USD	38.353,73	126.893,97

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.941.147.818.194	2.420.206.482.672
Doanh thu bán công cụ dụng cụ	33.760.658.944	93.041.443.134
Doanh thu gia công	8.290.446.073	3.952.466.956
<b>Cộng</b>	<b>1.983.198.923.211</b>	<b>2.517.200.392.762</b>

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8 872.472.171.467 613.117.055.916

Doanh thu năm nay giảm hơn 21% so với năm trước chủ yếu do sản lượng bán giảm. Nguyên nhân là do sự cạnh tranh mạnh tại thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu. Đồng thời việc xuất khẩu của Nhóm công ty gặp khó khăn do dịch bệnh COVID-19 và các biện pháp tự vệ thương mại của các quốc gia.

**5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
Giảm giá hàng bán	-	3.984.352.997
Hàng bán bị trả lại	1.086.964.532	17.062.272
<b>Cộng</b>	<b>1.086.964.532</b>	<b>4.001.415.269</b>

**5.3. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	1.781.542.266.466	2.312.284.770.293
Giá vốn của vật tư, công cụ, dụng cụ, phế liệu	24.632.469.034	2.382.357.722
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.129.505.771	89.846.779.224
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19.360.719.331)	19.360.719.330
<b>Cộng</b>	<b>1.788.943.521.940</b>	<b>2.423.874.626.569</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.816.953.110	2.516.829.677
Lãi tiền gửi	860.575.470	1.887.052.331
Khác	153.970.466	5.950.000
<b>Cộng</b>	<b>2.831.499.046</b>	<b>4.409.832.008</b>

**5.5. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
Chi phí lãi vay	73.859.093.446	86.095.909.060
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.826.323.118	2.513.600.772
<b>Cộng</b>	<b>75.685.416.564</b>	<b>88.609.509.832</b>

Chi phí tài chính giảm hơn 15% so với năm trước chủ yếu do giảm chi phí lãi vay. Nguyên nhân là do Nhóm công ty giảm sử dụng vốn vay và Ngân hàng hỗ trợ hạ lãi suất do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

**5.6. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
Chi phí quảng cáo	4.034.350.308	22.791.027.041
Chi phí vận chuyển	2.335.047.321	6.650.605.457
Chi phí nhân viên	2.160.872.908	2.884.292.125
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.231.610.755	8.314.446.080
<b>Cộng</b>	<b>9.761.881.292</b>	<b>40.640.370.703</b>

Chi phí bán hàng giảm hơn 76% so với năm trước chủ yếu do doanh thu xuất khẩu giảm và Nhóm công ty cắt giảm chi phí quảng cáo.

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	18.583.037.291	29.256.789.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.065.366.691	13.207.708.334
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(7.950.174.204)	3.267.844.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.534.388.148	3.522.818.694
Các khoản chi phí QLDN khác	2.609.556.764	3.504.560.074
<b>Cộng</b>	<b>24.842.174.690</b>	<b>52.759.721.412</b>

Chi phí quản lý giảm hơn 53% so với năm trước chủ yếu do Nhóm công ty cắt giảm số lượng nhân viên quản lý và hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi là do khoản nợ phải thu quá hạn từ Công ty PT Blue Steel Industries đã được đảm bảo từ Công ty Shenzhen one Touch Business.

**5.8. Chi phí khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí khấu hao của tài sản cố định tạm ngưng hoạt động	42.104.568.855	41.509.408.787
Chi phí khác do tạm ngưng hoạt động	16.594.738.417	8.190.783.303
Các khoản khác	2.858.184.000	-
<b>Cộng</b>	<b>61.557.491.272</b>	<b>49.700.192.090</b>

Chi phí khác tăng hơn 24% so với năm trước là do thời gian tạm ngưng hoạt động năm nay dài hơn so với năm trước do sửa chữa máy móc và dịch bệnh COVID-19.

**5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.482.380.951.353	2.157.995.869.894
Chi phí nhân công	38.061.032.208	23.528.788.578
Chi phí khấu hao tài sản cố định	120.984.505.183	36.429.581.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.870.904.800	41.701.006.296
Chi phí khác bằng tiền	3.843.309.519	22.399.207.727
<b>Cộng</b>	<b>1.700.140.703.063</b>	<b>2.282.054.453.806</b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế xuất TNDN của từng công ty trong Nhóm công ty như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Thuế suất thuế TNDN kỳ này</u>
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	20%
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	15%
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	20%

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****6.1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai**

	<u>Năm 2020 VND</u>	<u>Năm 2019 VND</u>
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	21.862.099.995	-

**6.2. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	<u>Năm 2020 VND</u>	<u>Năm 2019 VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.458.409.942.920	2.376.819.592.759

**6.3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	<u>Năm 2020 VND</u>	<u>Năm 2019 VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.826.341.108.376)	(2.400.100.887.094)

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động chính của Nhóm công ty là sản xuất và kinh doanh sắt, thép. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

1. Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức
2. Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL
3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
4. Bà Nguyễn Thanh Loan

**Mối quan hệ**

Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan  
 Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan  
 Nhân sự quản lý chủ chốt  
 Cổ đông lớn



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 31/12/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng:</b>		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	146.298.052.513	132.972.086.202
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	-	18.567.300.776
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	3.018.000.000	-
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.3</b>	<b>149.316.052.513</b>	<b>151.539.386.978</b>
	<b>Tại ngày 31/12/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác:</b>		
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	5.063.109.897	3.996.334.813
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	-	5.100.000
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	818.560.920	788.560.920
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.4</b>	<b>5.881.670.817</b>	<b>4.789.995.733</b>
	<b>Tại ngày 31/12/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.12:</b>		
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	(52.684.020.348)	(5.921.169.767)
	<b>Tại ngày 31/12/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác:</b>		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	(198.669.714.277)	(72.813.613.563)
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	(75.158.800)	(75.158.800)
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.16</b>	<b>(198.745.714.147)</b>	<b>(72.888.772.363)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

	<b>Tại ngày 31/12/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
<b>Vay ngắn hạn:</b>		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	(34.963.302.532)	(36.690.000.000)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Chủ tịch HĐQT	(24.587.103.274)	(24.587.103.274)
Bà Nguyễn Thanh Loan, Bên liên quan	(1.064.000.000)	(1.064.000.000)
Bà Nguyễn Thanh Dung, Thành viên HĐQT	(866.733.250)	(866.733.250)
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.17</b>	<b>(61.481.139.056)</b>	<b>(63.207.836.524)</b>
	<b>Tại ngày 31/12/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn:</b>		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	(3.386.803.713)	(3.386.803.713)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Chủ tịch HĐQT	(7.552.082.184)	(7.552.082.184)
Bà Nguyễn Thanh Dung, Thành viên HĐQT	(170.892.291)	(170.892.291)
Bà Nguyễn Thanh Loan, Bên liên quan	(129.689.913)	(129.689.913)
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.15</b>	<b>(11.239.468.101)</b>	<b>(11.239.468.101)</b>
Trong năm, Nhóm công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan, như sau:		
	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ:</b>		
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	62.677.064.000	96.568.390.927
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	809.795.107.467	516.548.664.989
<b>Cộng – Xem thêm mục 5.1</b>	<b>872.472.171.467</b>	<b>613.117.055.916</b>
	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ:</b>		
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	48.762.691.572	108.022.543.287
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	527.063.013.144	292.667.265.504
<b>Cộng</b>	<b>575.825.704.716</b>	<b>400.689.808.791</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
<b>Mua tài sản:</b>		
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	18.978.561.110	-
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	7.925.453.410	-
<b>Cộng</b>	<b>26.904.014.520</b>	<b>-</b>
	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
<b>Bán tài sản:</b>		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	2.400.000.000	-
	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
<b>Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc</b>		
Vay tiền	168.728.000.000	-
Tạm ứng chi phí hoạt động	47.866.000.000	-
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	3.018.000.000	-

**Cam kết bảo lãnh:**

Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Chủ tịch HĐQT đã dùng 7.181.775 cổ phần của Công ty CP Đại Thiên Lộc thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Nhóm công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương – Xem thêm mục 4.17.

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc và Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Chủ tịch HĐQT đã dùng các sổ tiết kiệm có kỳ hạn thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Nhóm công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương – Xem thêm mục 4.17.

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc và Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Chủ tịch HĐQT đã dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Nhóm công ty tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp – Xem thêm mục 4.17.

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Nhóm công ty được chi tiết như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	284.512.200	102.901.800
Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Phó Giám đốc	95.039.800	199.730.600
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng, Phó Tổng Giám đốc	288.757.700	140.400.500
Bà Nguyễn Thanh Dung, Phó Tổng Giám đốc	190.298.500	140.929.100
Bà Nguyễn Thanh Loan, Phó Tổng Giám đốc	93.339.700	217.599.300
Bà Đoàn Thị Bích Thúy, Phó Giám đốc	165.269.800	113.411.900
Các thành viên quản lý chủ chốt khác	4.473.099.800	4.240.155.395
<b>Cộng</b>	<b>5.590.317.500</b>	<b>4.937.529.295</b>

**9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Trong năm, Nhóm công ty không chi trả thù lao cho Ban Kiểm soát.

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Nhóm công ty đến 31/12/2020 nhưng Nhóm công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2020 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Nhóm công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ĐẠI THIÊN LỘC

Đoàn Thị Mỹ Hồng  
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập

Lê Ngọc Khang  
Người lập kiêm Kế toán trưởng